TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS - PT
Ngày: 30 – 6 – 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS – ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2021/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 31/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

– *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Cả hai có mặt

– *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị N, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 23/3/2020, bà có cho Bà Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị N vay số tiền 30.000.000đ, hẹn đến ngày 11/6/2020 sẽ trả. Quá hạn nhưng Bà N và bà Ng không trả. Bà yêu cầu Tòa án buộc Bà Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị N phải trả cho bà số tiền 30.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn Bà Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị N: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Bà N và bà Ng đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, Bà N, bà Ng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên tòa.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS – ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H đối với Bà Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị N, xử:

[1] Buộc Bà Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị N phải trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 750.000đ; bà Đặng Thị N phải chịu 750.000đ

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Ngày 18/02/2021, bà Đặng Thị N và Bà Huỳnh Thị N có đơn kháng cáo cùng nội dung, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì lý do sau:

Vi phạm tố tụng: Bà N, bà Ng chỉ nhận được các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà không nhận được thông báo thụ lý vụ án nên không có nghĩa vụ tham gia tố tụng; Đến ngày 08/01/2021 Tòa án mới đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Vi phạm về nội dung: số tiền 30.000.000đ tại Giấy mượn tiền ngày 23/3/2020 thực chất là tiền lãi của số tiền vay 130.000.000đ, theo Hợp đồng vay tiền công chứng số 649 ngày 11/01/2019 và công chứng số 1204 ngày 19/01/2019. Hợp đồng vay tiền ghi lãi suất là không phần trăm. Việc Bà H ép viết giấy nợ số tiền 30.000.000đ là trái pháp luật. Tòa án sơ thẩm buộc Bà N và bà Ng trả 30.000.000đ là không có cơ sở.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà N, bà Ng giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Bà H phản đối nội dung kháng cáo của Bà N, bà Ng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại Giấy mượn tiền 23/3/2020 thể hiện: Bà N có mượn Bà H số tiền 30.000.000đ, hẹn đến 11/6/2020 sẽ trả. Bà Ng là con Bà N xác nhận khoản nợ trên. Trường hợp Bà N không trả được thì bà Ng chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho Bà H, có chữ ký của Bà N và con gái là Đặng Thị Nga trong giấy mượn tiền. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc cả Bà N và bà Ng có trách nhiệm trả cho Bà H số tiền 30.000.000đ và mỗi người chịu 750.000đ tiền án phí sơ thẩm là chưa chính xác. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Bà N trả cho Bà H số tiền 30.000.000đ và phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả; Trường hợp Bà N không trả được thì bà Ng phải có trách nhiệm trả thay. Những nội dung khác Bà N và bà Ng kháng cáo không có cơ sở nên đề nghị HĐXX không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với nội dung kháng cáo của Bà N và bà Ng về việc không nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 58/TB – TLVA ngày 08/7/2020. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho Bà N qua dịch vụ bưu chính và tống đạt trực tiếp cho bà Đặng Thị N vào ngày 13/7/2020 (BL 20, 22) phù hợp với quy

định tại các Điều 173, 174, 175, 177 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Theo đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm Bà N, bà Ng đã nhận được các văn bản tố tụng khác của Tòa án cấp sơ thẩm nêu rõ nội dung khởi kiện của Bà H được Tòa án thụ lý giải quyết. Việc Bà N, bà Ng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Tòa án là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 70, khoản 2,4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định gia hạn số: 43/2020/QĐST – DS ngày 08/11/2020, gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử 02 tháng, kể từ ngày 08/11/2020. Ngày 08/01/2021, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do vậy, nội dung kháng cáo của Bà N, bà Ng về việc Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo của Bà N, bà Ng cho rằng số tiền 30.000.000đ tại Giấy mượn tiền ngày 23/3/2020 là tiền lãi của số tiền vay 130.000.000đ theo Hợp đồng vay tiền công chứng số 649 ngày 11/01/2019 và công chứng số 1204 ngày 19/01/2019. Hợp đồng vay tiền ghi lãi suất là không phần trăm, nhưng Bà H ép viết giấy mượn tiền nên Bà N, bà Ng không có nghĩa vụ trả số tiền này. Ngoài ra, theo giấy mượn tiền bà Ng chỉ trả nợ thay khi nào mẹ bà (Bà N) không trả được nợ cho Bà H, nên bản án sơ thẩm buộc bà cùng mẹ bà trả nợ 30.000.000đ cho Bà H là không đúng.

[2.1] Xét thấy, tại giấy mượn tiền chỉ có nội dung Bà N mượn của bà Ng số tiền 30.000.000đ mà không có nội dung đây là khoản tiền lời (tiền lãi) của các khoản vay trước đó. Bà N, bà Ng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị ép buộc phải viết giấy, đồng thời Bà H phản đối nội dung trình bày của Bà N, bà Ng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận nội dung trình bày của Bà N và bà Ng.

[2.2] Theo Giấy mượn tiền ngày 23/3/2020: *Bà N mượn của Bà H số tiền 30.000.000đ, hẹn đến ngày 11/6/2020 sẽ hoàn trả. Bà Ng là con gái Bà N xác nhận khoản nợ này và cam kết trường hợp Bà N không trả được thì bà Ng sẽ có trách nhiệm trả cho Bà H.* Như vậy, Bà N là người mượn và có trách nhiệm trả lại tiền mượn, nếu Bà N không trả được thì mới phát sinh trách nhiệm trả nợ thay của bà Ng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H, buộc Bà N trả lại số tiền đã mượn 30.000.000đ cho Bà H là đúng quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc cả Bà N và bà Ng trả số tiền 30.000.000đ và mỗi người phải chịu 750.000đ

tiền án phí (tương ứng mỗi người phải trả cho Bà H 15.000.000đ) là chưa chính xác.

[2.3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn Bà N, bà Ng về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng là không có cơ sở; kháng cáo về trách nhiệm trả nợ của bà Ng chỉ phát sinh khi Bà N không trả được nợ là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc Bà N có trách nhiệm trả cho Bà H số tiền 30.000.000đ và phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Bà H, trường hợp Bà N không trả được thì bà Ng có trách nhiệm trả thay.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với phân tích nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Do chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm nên Bà N, bà Ng không chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 148, các Điều 173, 174, 175, 177 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Bà Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị N;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS – ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Buộc Bà Huỳnh Thị N phải trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Trường hợp Bà Huỳnh Thị N không trả được khoản tiền nợ này cho Bà Nguyễn Thị H thì bà Đặng Thị N có trách nhiệm thay cho Bà Huỳnh Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về Án phí dân sự:

a. Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 1.500.000đ. Bà Đặng Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị H 750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09980 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

b. Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị N và Bà Đặng Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị N được hoản trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên số 7196 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Bà Đặng Thị N được hoản trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên số 7195 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu